

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Có Quy định chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Công an (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH

CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

Phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09 /2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường (nếu có) do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh thực hiện.

3. Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý theo quy hoạch tổng thể về mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương.

4. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh.

5. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

6. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: Điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường) thuộc danh mục dự án theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh.

8. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường; báo cáo kỹ thuật môi trường thuộc cấp tỉnh.

9. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh); tập huấn, hội thảo, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

11. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

14. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh.

15. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, chương trình, đề án bảo vệ môi trường cấp huyện.

2. Thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

3. Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của cấp huyện.

4. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của huyện (bao gồm kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường), xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn cấp huyện.

5. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của cấp huyện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các hoạt động điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra nghiệm thu dự án) gồm:

a) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh hoặc phương pháp đốt) đối với rác thải sinh hoạt tại nơi công cộng, đường phố thuộc địa bàn cấp huyện (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

Hỗ trợ phân loại, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh hoặc phương pháp đốt) của hộ gia đình, cá nhân không kết hợp kinh doanh, rác thải thông thường tại các trạm y tế cấp xã, các hộ kinh doanh cố định ở chợ; hộ kinh doanh buôn bán dịch vụ nhỏ thuộc diện chưa phải nộp thuế; vận hành hoạt động các bãi rác thải do cấp huyện quản lý.

b) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thuộc nhiệm vụ cấp huyện.

8. Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu) do cấp huyện quản lý; thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường cấp huyện, báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cấp huyện.

9. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, xóm, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng thuộc cấp huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển trên địa bàn cấp huyện.

11. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện (bao gồm xây dựng và phổ biến mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ cấp huyện. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

12. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học) thuộc nhiệm vụ cấp huyện và theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

13. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền cấp huyện (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại, kiểm tra thực tế nếu có).

14. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

15. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ cấp huyện.

16. Hợp đồng lao động để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

17. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

Điều 5. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chôn lấp chất thải sinh hoạt công cộng trên địa bàn cấp xã (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

2. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã (hợp tác xã, xóm, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

4. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.



Phạm Hoàng Sơn